

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-PT

Ngày: 22/4/2021

V/v tranh chấp hợp đồng trọn gói và  
đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng N

*Các Thẩm phán:* Ông Sỹ Danh Đ

Ông Ngô Tấn L

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị N, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Ông Nguyễn Văn T,  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 01  
năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng trọn gói và đòi lại tài sản*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày  
27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo và Viện  
trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 89/2021/QĐ-PT ngày  
15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT  
ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Đặng Thanh T – Chủ hộ kinh doanh P;

(Nay là Công ty TNHH một thành viên thương mại P – Người đại diện theo  
pháp luật là: Đặng Thanh T; Chức vụ: Giám đốc).

Địa chỉ: Số 64, Tổ 7, ấp T, xã T, thị xã C, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn  
Hoàng G – Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng G thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 482 Đường N, thành phố C, Đồng Tháp.

**- Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn H;

Người đại diện theo pháp luật là: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1961;

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Hữu T, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: Số 179, Đường L, Phường H, thành phố C, Đồng Tháp.

Có mặt: Ông T, ông T và Luật sư Hoàng G

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***Nguyên đơn trình bày:***

Ngày 15/9/2018, Hộ kinh doanh P do Ông T làm đại diện đã tiến hành ký hợp đồng kinh tế với Công ty trách nhiệm hữu hạn H do ông Nguyễn Hữu T là Giám đốc ký hợp đồng về việc thực hiện công trình: Bá lang cầu trục điện tại địa chỉ số 136, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

01 bá lang dầm ngang dự kiến 14-16m, dầm biên dài 33,5m; 02 bá lan đeo 5 tấn 4 cáp xuống còn 2 cáp 3 tấn NIPPON Nhật (secondhand); Dầm ngang dài dự kiến 14-16m, mặt đáy 500, dày 12 li, vách đứng 750, dày 8 li, xương 8 li, khoảng cách 1m một tấm. Mặt trên 380, dày 8 li; Dầm biên đoạn trên bờ dài 11,5m I 300, xương chông vắn 6 li khoảng cách 1m, đường ray vuông 4 đặc, ghép dầm biên 1 đoạn trên bờ 10m, 1 đoạn ra bờ sông 12m ghép hộp ngang 380, dày 8 li, cao 750, dày 8 li, xương 6 li khoảng cách 1m một tấm, đường ray vuông 4 đặc; 08 cây cột I 300 xương chông vắn 6 li dự kiến 6,3m, 1m một xương, 2 cây cột ghép hộp 300 x 500 dày 8 li, xương 6 li, 1m một xương, cao dự kiến từ 6m; 06 cây chằng chỗi I 300 xương chông vắn 6 li, khoảng cách 1m một xương; 01 cây chằng chỗi I 300 xương chông vắn 6 li, khoảng cách 1m một xương; 01 cây chằng đầu ngoài sông dài dự kiến 14m -16m, I 300 xương chông vắn 6 li khoảng cách xương 1m; 01 cặp hộp chạy 5 dài 2m, tole 10 li bánh xe đặc (trui) đạn cốt nhôm, motor 2 HP Nhật; 01 biến tần LS Hàn Quốc, 01 điều khiển từ xa JUKO Đài Loan hoặc Hàn Quốc; Thanh ray an toàn 3 pha Đài Loan + chỗi quét + sơn.

Tổng giá trị hợp đồng là 590.000.000 đồng, Ông T đã nhận được từ ông Nguyễn Hữu T là 100.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng.

Sau đó, Ông T đã đem vật tư và công cụ, dụng cụ thi công đầy đủ để tại kho Công ty TNHH H.

Vật tư: 19-20 tấn sắt; 02 bá lang 05 tấn giá trị 120.000.000 đồng; 01 cặp motor 2HP Nhật màu xanh; 01 cường thanh ray 03 pha dài 61m; 04 bánh xe đặc đạn Nhật; 01 cây chằng 02 đầu ngoài sông I 300 dài 16,5m đến 18m; Hai bộ điều khiển từ xa hiệu JUKO Đài Loan; 03 bộ căng thanh ray + 61 kẹp, năm bộ chỗi quét điện Đài Loan;

Công cụ, dụng cụ, thi công: 02 cái máy hàn cơ màu xanh nhãn hiệu T 250A; 04 chai oxy; 02 chai gas loại 13kg.

Tất cả tài sản này ông T đã đem đi ra khỏi kho Công ty H. Công trình nêu trên đã thi công sắp hoàn thành.

Ngày 26/10/2018 khi Ông T gác dầm công trình xong thì ông T yêu cầu tạm dừng thi công. Lý do: Nền móng công trình không đảm bảo phải chờ Sở xây dựng tỉnh Đồng Tháp cử cán bộ chuyên môn xuống thăm định lại nền móng công trình để đảm bảo độ an toàn khi công trình đi vào hoạt động. Tuy nhiên đến nay đã qua thời gian rất lâu, nhưng ông T không cho ông tiếp tục thi công cũng như từ chối

thanh toán khoản tiền theo hợp đồng mà ông đã ký và thi công cho công trình theo hợp đồng. Ông T còn lấy tất cả những thiết bị, công cụ, dụng cụ của ông để lại để thi công công trình đem đi nơi khác.

Ngày 05/12/2018, ông có đến trao đổi với ông T về việc đề nghị trực tiếp thi công (vì đã gần hoàn thành) hoặc thanh toán tiền đối với phần giá trị ông đã thi công (khoảng 95%) thì ông T từ chối đàm phán và không gặp, thậm chí ông T còn có những hành vi chửi bới, đe dọa gây áp lực đối với ông, không cho ông tiếp tục thi công và không thanh toán tiền theo hợp đồng. Ông T đã cố tình né tránh, đơn phương chấm dứt hợp đồng để chiếm đoạt phần giá trị mà ông đã đầu tư thi công gần xong công trình như trình bày trên. Hành vi nêu trên của ông T đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Yêu cầu đình chỉ thực hiện hợp đồng kinh tế ký ngày 15/9/2018 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn H với Hộ kinh doanh P. Lý do: Công ty TNHH H (mà trực tiếp là ông T) đã cố tình đơn phương chấm dứt hợp đồng không có lý do chính đáng.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H và ông Nguyễn Hữu T phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho Hộ kinh doanh P đã đầu tư vào công trình là 590.000.000 đồng – 100.000.000 (đã tạm ứng) = 490.000.000 đồng.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H và ông Nguyễn Hữu T phải có trách nhiệm liên đới trả lại Hộ kinh doanh P các công cụ, dụng cụ thi công mà ông T đã chiếm giữ gồm: 02 cái máy hàn cơ màu xanh nhãn hiệu T 250A; 04 chai oxy; 02 chai gas loại 13kg.

Tổng cộng giá trị là 22.200.000 đồng. Ông Đặng Thanh T yêu cầu được nhận giá trị.

Ông T yêu cầu chấm dứt hợp đồng thi công công trình xây dựng bá lang đã ký kết ngày 15/9/2018 giữa Hộ kinh doanh P và Công ty trách nhiệm hữu hạn H và yêu cầu phía Công ty TNHH H và ông Nguyễn Hữu T thanh toán số tiền thi công công trình 590 triệu, khấu trừ số tiền Ông T đã ứng là 112.790.000đ, do phía ông T đơn phương chấm dứt hợp đồng và trả giá trị tài sản bị mất 22.200.000 đồng. Tổng cộng Ông T yêu cầu là 499.410.000 đồng

#### ***Bị đơn trình bày:***

Ông Nguyễn Hữu T không đồng ý lời trình bày của Ông T, ông không có kêu Ông T tạm ngưng thi công công trình 02 ngày mà do Ông T tự ý tạm ngưng công trình. Nay, ông Hữu Tâm không đồng ý theo yêu cầu của Ông T, ông T đồng ý hỗ trợ chi phí di dời toàn bộ vật liệu, thiết bị có trên phần đất (không có máy móc) với số tiền hỗ trợ là 50 triệu, còn hợp đồng giữa hai bên do phía Ông T tự ý đơn phương hủy hợp đồng nên không đồng ý trả tiền theo hợp đồng và công trình chưa hoàn thành. Ông cũng không biết công trình đã được thi công bao nhiêu %, lần đầu tiên đưa tạm ứng cho phía Ông T 100 triệu, lần thứ hai trễ hạn hợp đồng nhưng Ông T xin ứng thêm 02 lần với số tiền 04 triệu và 01 toa tiền mua sơn 8,4 triệu và 390.000đ tiền xăng. Đối với số tiền ứng cho phía Ông T thì ông đồng ý hỗ trợ di dời ra khỏi cơ sở 50 triệu, số còn lại yêu cầu phía Ông T trả lại cho ông.

Ông T yêu cầu Ông T tiếp tục thực hiện hợp đồng thi công công trình bả lang cho ông, sau khi công trình hoàn thành và có nghiệm thu công trình đạt chất lượng, đảm bảo an toàn đưa vào hoạt động thì ông đồng ý trả 590 triệu cho Ông T, riêng số tiền Ông T ứng thi tự nguyện tặng cho Ông T.

- Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P (Nay là Công ty TNHH một thành viên thương mại P).

Buộc ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P (Nay là Công ty TNHH một thành viên thương mại P) phải di dời toàn bộ vật tư công trình được thể hiện theo biên bản xác định khối lượng tại hiện trường ngày 19/9/2019 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng – Sở xây dựng tỉnh Đồng Tháp và bản báo cáo kết quả giám định khối lượng công việc số 25/BCGD-TTGD ngày 04/11/2019 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng – Sở xây dựng tỉnh Đồng Tháp (kèm theo biên bản xác định khối lượng tại hiện trường ngày 19/9/2019 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng – Sở xây dựng tỉnh Đồng Tháp và bản báo cáo kết quả giám định khối lượng công việc số 25/BCGD-TTGD ngày 04/11/2019 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng – Sở xây dựng tỉnh Đồng Tháp).

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu T là đại diện Công ty TNHH H, hỗ trợ tiền di dời toàn bộ vật tư công trình cho ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P (Nay là Công ty TNHH một thành viên thương mại P).

Ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P (Nay là Công ty TNHH một thành viên thương mại P) có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 62.790.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, giám định và thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/12/2020, ông Đặng Thanh T là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 24/12/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có quyết định kháng nghị số 31/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy bản án kinh doanh thương mại số 04/2020/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C. Với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về tố tụng, nội dung và án phí.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông T trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm Ông T yêu cầu ông T trả tổng cộng 499.410.000 đồng. Bởi lẽ, hai bên ký hợp đồng trọn gói; trong quá trình thi công hai bên có thỏa thuận bằng miệng để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, do ông T có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng, làm cho hợp đồng không thực hiện được đến cùng là do lỗi của ông T gây ra nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông T; buộc Công ty TNHH H do ông T làm đại diện trả cho Ông T 499.410.000 đồng; sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C do vi phạm về tố tụng và nội dung như quyết định kháng nghị số 31/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/12/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết lại theo thủ tục chung. Do đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của Ông T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

[1] Ông Đặng Thanh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm Ông T yêu cầu ông T trả 499.410.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Nội dung hợp đồng và bản vẽ được các bên ký kết là hợp đồng xây dựng, cụ thể là hợp đồng trọn gói. Ông T cho rằng ông T yêu cầu tạm dừng thi công để chờ cán bộ Sở xây dựng xuống thẩm định nền móng công trình để đảm bảo độ an toàn khi đi vào hoạt động. Ngày 5/12/2018 Ông T có đề nghị ông T cho tiếp tục thi công vì công trình gần hoàn thành hoặc thanh toán đối với phần giá trị ông đã thi công (khoảng 95%) nhưng ông T từ chối đàm phán và không gặp. Tuy nhiên, Ông T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, ông T cũng không thừa nhận việc yêu cầu tạm dừng thi công. Nên yêu cầu kháng cáo của Ông T là chưa có căn cứ chấp nhận.

[1.2] Về việc đòi lại tài sản gồm: 02 cái máy hàn cơ màu xanh nhãn hiệu T 250A; 04 chai oxy; 02 chai gas loại 13kg. Tổng cộng giá trị là 22.200.000 đồng. Ông Đặng Thanh T yêu cầu được nhận giá trị.

Ông T cho rằng ông T đem toàn bộ tài sản trên đi nơi khác cất giấu và giữa ông và ông T có thỏa thuận về vật liệu, thiết bị, máy móc thi công công trình do phía ông T bảo quản nhưng hai bên không có làm văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng. Tuy nhiên, phía ông T không thừa nhận việc thỏa thuận bảo quản các tài sản trên cho Ông T, Ngoài ra, Ông T không chứng minh được ông T có chở các tài sản trên đi nơi khác hay không và khi phát hiện mất tài sản cũng không báo công an việc mất tài sản. Do đó, yêu cầu kháng cáo của Ông T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2] Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C. Với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về tố tụng, nội dung và án phí.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tòa án sơ thẩm vi phạm không xem xét hợp đồng kinh tế ngày 15/9/2018 giữa Công ty TNHH H với ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P là chưa xem xét về hình thức và nội dung của hợp đồng. Tòa án chưa tuyên chấm dứt hợp đồng hay hủy bỏ hợp đồng mà giải quyết hậu quả của hợp đồng là không phù hợp với quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên chấm dứt hợp đồng ngày 15/9/2018 giữa Công ty TNHH H với ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P là có thiếu sót. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết hậu quả của hợp đồng là phải di dời toàn bộ vật tư công trình. Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục được, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[2.2] Tòa án xác định quan hệ pháp luật là hợp đồng trọn gói thì phải xác định việc thanh toán hợp đồng được thực hiện theo dạng thỏa thuận nào, hạng mục công trình, khối lượng công việc, tiến độ thực hiện, tỷ lệ % đạt bao nhiêu.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là hợp đồng trọn gói để thực hiện công trình “Bá lang cầu trục điện” bên Ông T thực hiện theo bảng vẽ, khi hoàn thành hai bên tiến hành nghiệm thu chạy thử, sau đó nghiệm thu chính thức, tiến hành thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thi công Ông T đã đưa vật tư không đúng qui cách, ông T có yêu cầu khắc phục nhưng Ông T không thực hiện nên xảy ra tranh chấp, Ông T yêu cầu đình chỉ hợp đồng, yêu cầu ông T trả tiền và yêu cầu ông T bồi thường do tài sản bị mất là lỗi của Ông T nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải xác định những nội dung để làm căn cứ xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát.

[2.3] Bản án tuyên công nhận sự tự nguyện của ông T về việc hỗ trợ tiền di dời toàn bộ vật tư công trình cho Ông T nhưng không ghi số tiền cụ thể.

Hội đồng xét xử xét thấy, phần nhận định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm có ghi nhận, ông T tự nguyện hỗ trợ 50.000.000 đồng cho Ông T để di dời toàn bộ vật tư công trình nhưng phần quyết định bản án Tòa án cấp sơ thẩm không ghi số tiền cụ thể là thiếu sót, Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục được. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[2.4] Vi phạm về việc định giá tài sản nhưng tiến hành giải quyết vụ án là chưa đúng quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là hợp đồng trọn gói để thực hiện công trình “Bá lang cầu trục điện” như đã nhận định nêu trên nên có kết định giá hay không cũng không làm căn cứ để xem xét. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành thành lập Hội đồng định giá nhưng Hội đồng định giá có văn bản trả lời không tiến hành định giá được với lý do không đủ căn cứ để tiến hành định giá.

[2.5] Bản án tính sai về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà nguyên đơn phải chịu.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền Ông T yêu cầu ông T phải trả là 499.410.000 đồng để tính án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là có căn cứ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhân với 5% bằng số tiền án phí 24.975.000 đồng là không đúng tại điểm c, tiêu mục 1.4, mục 1, phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội 14 qui định: Từ trên 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng thì mức thu án phí kinh doanh thương mại bằng 20.000. 000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng. Án phí được tính như sau:

Lấy  $99.410.000đ \times 4\% = 3.976.400đ$ ,

Vậy án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Ông T là chủ hộ kinh doanh P phải nộp 23.976.400 đồng ( $20.000.000đ + 3.976.400đ$ ) nên chấp nhận kháng nghị phần này, sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo của Ông T không được chấp nhận nên Ông T phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông T; không chấp nhận kháng nghị về đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm; chấp nhận kháng nghị về án phí KDTM sơ thẩm nên sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Các phần khác của Bản án nói trên không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Thanh T.

2. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp về hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C.

3. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh lại án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp:

4.1 Chấm dứt hợp đồng kinh tế ký kết ngày 15/9/2018 giữa Công ty TNHH H với ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P.

Buộc ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P (Nay là Công ty TNHH một thành viên thương mại P) phải di dời toàn bộ vật tư công trình để trả lại mặt bằng cho Công ty TNHH H sử dụng.

(Kèm theo biên bản xác định khối lượng tại hiện trường ngày 19/9/2019 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng – Sở xây dựng tỉnh Đồng Tháp và bản báo cáo kết quả giám định khối lượng công việc số 25/BCGD-TTGD ngày 04/11/2019 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng – Sở xây dựng tỉnh Đồng Tháp).

4.2. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu T là đại diện Công ty TNHH H, hỗ trợ 50.000.000 đồng tiền di dời toàn bộ vật tư công trình cho ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P (Nay là Công ty TNHH một thành viên thương mại P).

4.3. Ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P (Nay là Công ty TNHH một thành viên thương mại P) có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hữu T đại diện Công ty TNHH H số tiền 62.790.000đ (112.790.000đ – 50.000.000đ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án thi hành án chưa xong, thì phải chịu lãi được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

5. Án phí, tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

5.1. Ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P (Nay là Công ty TNHH một thành viên thương mại P) phải chịu 23.976.400đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng là 12.244.000 đồng (do Trần Hà Xuân Phong nộp thay Ông T) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005425 ngày 03/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P còn phải nộp tiếp số tiền là 11.732.400đ.

5.2. Chi phí thẩm định, chi phí giám định là 18.786.000đ, ông Đặng Thanh T là chủ hộ kinh doanh P (Nay là Công ty TNHH một thành viên thương mại P) phải chịu toàn bộ, Ông T đã nộp và chi xong.



6. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Đặng Thanh T phải chịu 2.000.000 đồng nhưng Ông T được khấu trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 007411 ngày 07/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TPC;
- Chi cục THADS TPC;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)  
Lê Hồng Nước**